

Bản án số: 221/2024/HC-PT

Ngày 17/6/2024.

V/v khiếu kiện hành vi hành
chính về việc không cấp Giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Kim Liên

Các Thẩm phán:

ông Nguyễn Văn Tào

ông Phạm Ngọc Thái

- **Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:** ông Đinh Văn Chánh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 76/2024/TLPT-HC ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính về việc không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 75/2023/HC-ST ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1090/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Hàn N - sinh năm 1940; địa chỉ: thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: bà Trần Thị Như T - Luật sư ký hợp đồng Trợ giúp pháp lý do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P cử. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã H, huyện P;

Người đại diện hợp pháp của UBND xã H: ông Lê Văn T1 - chức vụ: Chủ tịch UBND xã H. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hàn N1 - sinh năm 1952; trú tại: thôn L, xã B, Tp ., tỉnh Phú Yên.
 - Ông Hàn Hồng H - sinh năm 1955; trú tại: số A đường L, phường E, Tp ., tỉnh Phú Yên.
 - Bà Hàn Thị H1 - sinh năm 1960; trú tại: số E đường L, phường A, Tp ., tỉnh Phú Yên.
- Ông Hàn N1, ông Hàn Hồng H và bà Hàn Thị H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Ông Hàng S - sinh năm 1953; trú tại: số G đường L, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.
 - Ông Hàn Q (chết). *Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:*
 - + Bà Phạm Thị Ngọc K; trú tại: thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.
 - + Bà Hàn Thị T2 - sinh năm 1962; trú tại: khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.
 - + Bà Hàn Thị Tuyết L - sinh năm 1966; trú tại: thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.
 - + Ông Hàng Kim Q1 - sinh năm 1967; trú tại: thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.
 - + Ông Hàng Chí Q2 - sinh năm 1967; trú tại: tổ dân phố A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Khánh Hòa (tổ dân phố A, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt.
 - + Ông Hàn Tiến Q3 (chết). *Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:*
 - . Bà Huỳnh Thị Chu Bích V - sinh năm 1976; trú tại: thôn H, xã C, Tp ., tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.
 - . Anh Hàng Minh K1 - sinh năm 2000; trú tại: thôn H, xã C, Tp ., tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.
 - . Chị Hàng Trúc P - sinh năm 2001; trú tại: thôn H, xã C, Tp ., tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.
 - + Bà Hàn Thị Ái L1 - sinh năm 1975; trú tại: thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.
 - + Ông Hàng Bảo Q4 - sinh năm 1978; trú tại: thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.
 - + Ông Hàn Vũ Q5 - sinh năm 1982; trú tại: thôn P, xã P, Tp ., tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.
 - + Ông Hàng Đăng Q6 - sinh năm 1986; trú tại: thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.
 - Ông Hàn B (chết). *Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:*
 - + Bà Huỳnh Thị T3 - sinh năm 1955; trú tại: số E đường L, phường E, Tp ., tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

+ Ông Hàn Trác V1 - sinh năm 1982; trú tại: số E đường L, phường E, Tp ., tỉnh Phú Yên; hiện nay ở tại: 3 đường B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

+ Bà Hàng Huỳnh Duy M - sinh năm 1974; trú tại: số I đường N, phường T, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

+ Bà Hàng Huỳnh Ái L2 - sinh năm 1979; trú tại: số D đường N, phường D, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Bà Trần Thị M1 - sinh năm 1943 (vợ ông Hàn N); địa chỉ: thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: người khởi kiện ông Hàn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng ông Hàn N, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hàn N trình bày:*

Ông Hàn N có diện tích đất 1.820m² tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Nguồn gốc diện tích đất này là của cha mẹ ông là ông Hàn T4 (chết năm 2001) và bà Nguyễn Thị C (chết năm 2006) tạo lập (theo Giấy chuyển nhượng lập ngày 30/4/1975 và Giấy chứng thư chứng nhận thay văn khế của chế độ cũ).

Khi cha mẹ còn sống đã cho ông N toàn bộ nhà đất này, ông N quản lý, sử dụng không ai tranh chấp. Sau khi cha mẹ chết, gia đình họp ngày 10/3/2017 các đồng thừa kế thống nhất giao cho ông N đứng tên sở hữu nhà, tài sản trên đất và đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo sơ đồ lập năm 1993, diện tích 1.820m², thửa số 111, tờ bản đồ 376D tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, đo đạc hiện trạng năm 2015, nay là thửa 135, tờ bản đồ số 8, bản đồ 201, diện tích 1.717,6m², trên đất có nhà ở và cây cối, gia đình mua và trực tiếp quản lý sử dụng vào đất ở và sản xuất từ năm 1975 cho đến nay.

Năm 2018, ông N làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND xã H cho rằng ngày 18/6/1997 ông Hàn T4 có ký hợp đồng thuê đất 1.175m² trong thửa 135, tờ bản đồ số 8, bản đồ 201. Ngày 19/10/2018, UBND huyện P ban hành Văn bản số 1232/UBND trả lời chỉ chấp nhận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N với diện tích 542,6m², trên đất có ngôi nhà 80,75m²; ông Hàn N đã được cấp đất với diện 645m², có vị trí liền kề với diện tích đất ông đang khởi kiện.

Bản án hành chính số 19/2019/HC-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã có hiệu lực pháp luật nhưng UBND huyện P không thi hành, mà ngày 02/02/2021, UBND huyện P chỉ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản số CX 643332, thửa đất 943, tờ bản đồ số 8, diện tích 542,6m² (trong đó đất ở nông thôn 250m², đất trồng cây hàng năm khác 292,6m²) cho ông H2 Nghĩa là không đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho ông nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc UBND huyện P tiếp tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.175m², loại đất vườn của hộ gia đình, trong cùng thửa đất 135, tờ bản đồ số 8, bản đồ 201 có nhà ở, tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên cho ông Hàn N.

** Người bị kiện:*

- Ủy ban nhân dân huyện P: không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến.

- Ủy ban nhân dân xã H *trình bày*: thửa đất ông Hàn N khởi kiện có nguồn gốc do cha mẹ ông N nhận chuyển nhượng từ năm 1975 để lại. Năm 1996, thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc ban hành bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp và UBND xã H thực hiện phương án giao đất cho hộ gia đình, cá nhân, đối chiếu với Điều 6 Nghị định 64/CP quy định “Đối tượng giao đất nông nghiệp để sử dụng ổn định lâu dài là nhân khẩu nông nghiệp thường trú tại địa phương, kể cả những người đang làm nghĩa vụ quân sự” và Phương án giao đất cho hộ gia đình, cá nhân của UBND xã H Tây ngày 20/4/1996 tại điểm 4, Phần B - Nguyên tắc và các quy định chung thì cụ Hàn T4 không đủ điều kiện nhận đất nông nghiệp tại thửa đất số 111, diện tích 1.820m², tờ bản đồ 367D (thời điểm này cụ Hàn T4 có hộ khẩu tại xã H). Do đó, ngày 18/6/1997, UBND xã H và cụ Hàn T4 ký kết hợp đồng thuê đất sản xuất tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 367D, diện tích 1.175m², số tiền thuê đất là 58kg, sau khi cụ H2 Thời chết thì ông Hàn N trực tiếp sử dụng đất và nộp tiền thuê đất hàng năm. Phần diện tích đất còn lại trong diện tích tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 367D (trừ phần diện tích 1.175,6m²) năm 2021 đã được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hàn N với diện tích 542,6m² theo Bản án số 19/2019/HC-ST ngày 13/11/2019 của TAND tỉnh Phú Yên.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Văn phòng Đ chi nhánh huyện P *trình bày*: theo Sổ mục kê của UBND xã H được Giám đốc Sở Địa chính ký ngày 29/12/1997 tại quyền số 2, bộ B1, trang 26 có thửa số 111, tờ bản đồ 367-D, diện tích 1.820m², loại đất T, tên chủ sử dụng đất: UBND xã H; theo bản đồ đo đạc năm 2016, nay thuộc thửa 134, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.693,1m², loại đất ONT+BHK; hiện nay hồ sơ của ông Hàn N, chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ chưa tiếp nhận nên không có đủ căn cứ để có ý kiến.

- Bà Trần Thị M1 *trình bày*: thống nhất như trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Hàn N. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hàn N.

- Ông Hàn N1, ông Hàn Hồng H, bà Hàn Thị H1, bà Huỳnh Thị T3, bà Hàn Thị T2, Hàng Kim Q1 *thống nhất trình bày*: nguồn gốc diện tích 1.820m², thửa số 111, tờ bản đồ 376D tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, đo đạc hiện trạng năm 2015 (nay là thửa 135, tờ bản đồ số 8, bản đồ 201, diện tích 1.717,6m²) là của cố cụ ông Hàn T4 và cố cụ bà Nguyễn Thị C (cha, mẹ của các

ông, bà) tạo lập, để lại cho các đồng thừa kế được thừa hưởng theo quy định pháp luật.

Diện tích đất UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản số CX 643332, thửa đất 943, tờ bản đồ số 8 (đo đạc năm 2016), diện tích 542,6m² (đất ở nông thôn 250m², đất trồng cây hàng năm khác 292,6m²) đứng tên ông H2 Nghĩa là đất của các đồng thừa kế, chứ không phải của hộ gia đình ông N. Việc ông Hàn N tiếp tục yêu cầu UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất 1.717m² các ông, bà hoàn toàn đồng ý nhưng phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế của cố cụ ông Hàn T4 và cố cụ bà Nguyễn Thị C. Vì đây là đất của cha, mẹ để lại cho các đồng thừa kế, không phải của riêng ông N.

Ông Hàn N đã được cha mẹ cho diện tích đất sử dụng là lô đất liền kề với thửa đất ông N đang khởi kiện. Ông N xây dựng nhà ở riêng, quá trình sử dụng đã bán cho nhiều người và không liên quan trong vụ án này.

- Ông Hàng S *trình bày*: phần đất 1.175m² tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên có nguồn gốc từ cha mẹ là ông Hàng T5 và bà Nguyễn Thị C nên các con (H, H, H, Hàng Hồng H3, H (chết, các con đồng sở hữu), Hàng Bốn (chết, các con đồng sở hữu), Hàng Thị H4) đều đồng sở hữu. Ông Hàng S không đồng ý việc ông Hàng N2 yêu cầu UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hàn N.

- Bà Hàng Huỳnh Ái L3 *trình bày*: đồng ý với các ý kiến của mẹ là bà Huỳnh Thị T3.

- Bà Phạm Thị Ngọc K, bà Hàn Thị Ái L1, bà Hàn Thị Tuyết L, ông Hàng Bảo Q4, ông Hàn Vũ Q5 *trình bày*: không hiểu vì sao Tòa tước đi quyền thừa kế của các ông bà và để cho ông Hàn N toàn quyền sở hữu, sử dụng và cấp không đúng đối tượng sở hữu phần đất này. Đề nghị Tòa xem xét, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho đồng thừa kế.

- Ông Hàng Chí Q2 *trình bày*: nguồn gốc diện tích đất 1.175m² tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên là của ông, bà nội (ông Hàn T4, bà nội không nhớ rõ tên). Sau khi ông nội mất thì ông Hàn N sử dụng trồng trọt trên đất. Ông N yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích nêu trên đứng tên một mình ông Nghĩa 1 không đúng. Vì diện tích đất này là của ông bà nội, các anh chị em trong gia đình đều có quyền lợi như nhau.

- Bà Huỳnh Chu Bích V, Hàng Minh K1, Hàng Trúc P *trình bày*: nguồn gốc diện tích đất 1.175m² tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên là do ông, bà nội tạo lập để lại cho các con, cháu. Các ông bà đồng ý ủy quyền cho ông Hàn N tiến hành thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.175m² nhưng không đồng ý để ông N đứng tên riêng đối với phần diện tích đất này. Đây là tài sản của ông, bà để lại nên phải được thừa hưởng chung. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền phải đảm bảo quyền thừa hưởng di sản cho những người thừa kế. Các ông bà từ chối hưởng di sản để lại vì đã có nơi ở ổn định. Vì ở xa nên yêu cầu Tòa tiến hành đối thoại, xét xử vắng mặt.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 75/2023/HC-ST ngày 06/12/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 và Điều 362 của Luật Tổ tụng Hành chính; khoản 5 Điều 26 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 32, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hàn N về yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên tiếp tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.175m², loại đất vườn, của hộ gia đình trong cùng thửa đất 135, tờ bản đồ số 8, bản đồ 201, có nhà ở, tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/12/2023, ông Hàn N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án buộc UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông diện tích 1.175m² trong cùng thửa đất số 135.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện - Luật sư Trần Thị Như T gửi luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hàn N. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Hàn N, sửa bản án sơ thẩm. Buộc UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hàn N với diện tích 1.175m².

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện ông Hàn N, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện ông Hàn N, người bị kiện UBND xã H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hàn N1, ông Hàn Hồng H, bà Hàn Thị H1 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người bị kiện UBND huyện P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 225 của Luật Tổ tụng Hành chính, quyết định tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Hàn N với nội dung: đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, sửa Bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về nguồn gốc thửa đất số 111, tờ bản đồ 367-D, diện tích 1.820m² (nay là thửa đất số 135, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.717,6m², bản đồ 201) tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên: ông Hàn N xuất trình Giấy thỏa nhượng

quyền nghiệp chủ ruộng đất ngày 30/4/1975 (bản phôtô, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm chuyển nhượng) và cho rằng thửa đất này do vợ chồng ông Nguyễn T6 và bà Phan Thị N3 chuyển nhượng cho vợ chồng ông Hàn T4, bà Nguyễn Thị C. Tuy nhiên, quá trình sử dụng đất, vợ chồng ông Hàn T4 không đăng ký kê khai quyền sử dụng qua các thời kỳ. Ngoài ra, khi thực hiện chính sách đất đai theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, vợ chồng ông Hàn T4 không đủ điều kiện được giao đất nông nghiệp tại thửa đất số 111, tờ bản đồ 367-D, diện tích 1.820m² tại xã H Tây (thời điểm này ông Hàn T4 có hộ khẩu tại xã H). Căn cứ Sổ mục kê đất lập ngày 18/12/1996 được Giám đốc Sở Địa chính ký ngày 29/12/1996 thì thửa đất số 111, tờ bản đồ số 367-D, diện tích 1.820m², loại đất T, tên chủ sử dụng đất là UBND xã H. Trên cơ sở quỹ đất còn lại, ngày 18/6/1997, Ủy ban nhân dân xã H lập Biên bản về việc hợp đồng cho ông Hàn T4 thuê diện tích đất 1.175m² tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 367-D tại thôn P, xã H T để sản xuất nông nghiệp, số lúa phải thanh toán hàng vụ là 58kg. Sau khi ông Hàn T4 chết thì ông Hàn N (là con của ông Hàn T4) trực tiếp sử dụng đất và nộp tiền thuê đất hàng năm. Phần diện tích 542,6m² còn lại của thửa đất số 111, tờ bản đồ số 367-D đã được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hàn N vào ngày 02/02/2021 theo Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2019/HC-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

[2.2] Cũng tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19 nói trên (bản án đã có hiệu lực pháp luật), ông Hàn N trình bày: “...năm 1997 ông Hàn T4 có thuê 1.175m² đất của UBND xã H để sản xuất...” và Bản án này đã nhận định...“*tại buổi xem xét thẩm định ngày 17/6/2019 diện tích đo đạc thực tế là 1.717,6m² (thuộc thửa số 135, tờ bản đồ số 8, bản đồ 201) trong đó 1.175m² đất thuê theo hợp đồng năm 1997, còn lại (1.717,6m² - 1.175m²) = 542,6m² trên đất có ngôi nhà cấp 4 diện tích 80,75m², hồ nuôi cá diện tích 52,8m² và một số cây trồng khác...UBND xã H chỉ quản lý, cho thuê đối với diện tích 1.175m², còn lại 542,6m² vẫn do gia đình ông Hàn N quản lý, sử dụng từ năm 1975 cho đến nay, trên đất có nhà ở ổn định do vợ chồng cụ Hàn T4 để lại...phần đất có nhà ở của cụ Hàn T4 không bị điều chỉnh bởi Nghị định 64/CP...*”. Như vậy, có cơ sở khẳng định diện tích đất 1.175m², tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 8, bản đồ 201 là do ông Hàn T4 thuê đất của UBND xã H. Ông Hàn N cho rằng Biên bản về việc hợp đồng thuê đất sản xuất ...vụ lúa ngày 18/6/1997 giữa ông Hàn T4 với UBND xã H là giả mạo, do bị ép buộc, trái với ý chí, nguyện vọng của ông Hàn T4 nhưng ông Hàn N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là giả mạo.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy UBND huyện P không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.175m², thửa đất 135, tờ bản đồ số 8, bản đồ 201 tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên theo yêu cầu của ông H2 Nghĩa là đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H2 Nghĩa là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Hàn N, chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do nội dung kháng cáo không được chấp nhận, lẽ ra ông Hàn N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Nhưng xét, ông H2 Nghĩa là người cao tuổi nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Hàn N; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 75/2023/HC-ST ngày 06/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Áp dụng khoản 5 Điều 26 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hàn N về yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên tiếp tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.175m², loại đất vườn, của hộ gia đình trong cùng thửa đất 135, tờ bản đồ số 8, bản đồ 201 có nhà ở, tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

2. Về án phí: miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Hàn N.

3. Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Yên;
- Đương sự; Luật sư;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Liên